

TỔNG CÔNG TY SONADEZI
CÔNG TY CP CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Số: 190 /TB-CN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 27 tháng 7 năm 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) Quý 2/2026 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai

- Mã chứng khoán: DNW
- Địa chỉ: Số 48, Cách Mạng Tháng 8, Phường Trăn Biên, Thành phố Đồng Nai
- Điện thoại liên hệ: 0251 3843316
- Email: capnuocdongnai@dowaco.vn; Website: dowaco.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC Quý 2/2026

☒ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

☒ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm):

☐ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm):

☐ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☒ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày ..27../7/2026 tại đường dẫn <https://dowaco.vn/quan-he-co-dong>.

Tài liệu đính kèm:

- BCTC Riêng và Hợp nhất Quý 2/2026

CÔNG TY C^o
PHÂN C^o P
Nh^o C^o NG
NAI

Digitally signed by CÔNG TY C^o
PHÂN C^o P Nh^o C^o NG NAI
DN: cn=CÔNG TY C^o PHÂN C^o P
Nh^o C^o NG NAI c=VN l=Thành
ph^o Biên Hòa
Reason: I am the author of this
document
Location:
Date: 2026-07-27 09:25+07:00

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
CÔNG BỐ THÔNG TIN



Nguyễn Cao Hà

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
QUÝ 2 NĂM 2026**

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI**

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Trần Biên, TP. Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

06 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGÂN HẠN	100		790.002.092.661	683.068.736.650
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	103.216.171.218	74.758.504.826
1. Tiền	111		43.078.431.492	44.758.504.826
2. Các khoản tương đương tiền	112		60.137.739.726	30.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		569.741.780.822	500.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	569.741.780.822	500.000.000.000
4. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	124		-	-
5. Đầu tư ngắn hạn khác	125		-	-
6. Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư ngắn hạn khác	126		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		69.451.944.853	66.011.549.437
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	40.839.419.587	39.828.178.940
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	27.439.875.826	10.460.926.151
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu ngắn hạn khác	135	V.5	6.462.943.565	21.012.738.471
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	136	V.6	(5.290.294.125)	(5.290.294.125)
7. Tài sản thiếu chờ xử lý	137		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		47.225.511.372	41.989.474.103
1. Hàng tồn kho	141	V.7	47.225.511.372	41.989.474.103
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142		-	-
V. Tài sản sinh học ngắn hạn	150		-	-
1. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	151		-	-
2. Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	152		-	-
3. Dự phòng tổn thất tài sản sinh học ngắn hạn	153		-	-
VI. Tài sản ngắn hạn khác	160		366.684.396	309.208.284
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	V.8a	366.684.396	309.208.284
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	162		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	V.14	-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	164		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	165		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Trần Biên, TP. Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

06 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bảng cân đối kế toán riêng (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.512.847.750.194	2.555.777.990.187
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu dài hạn khác	215		-	-
6. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	216		-	-
II. Tài sản cố định	220		2.203.693.940.718	2.228.695.170.932
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	1.920.621.128.797	1.941.750.353.871
- Nguyên giá	222		5.460.651.688.207	5.338.353.382.763
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.540.030.559.410)	(3.396.603.028.892)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	283.072.811.921	286.944.817.061
- Nguyên giá	228		373.969.628.291	373.969.628.291
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(90.896.816.370)	(87.024.811.230)
III. Tài sản sinh học dài hạn	230		-	-
1. Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ dài hạn	231		-	-
a) Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ chưa đến giai đoạn trưởng thành	232		-	-
b) Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ đến giai đoạn trưởng thành	233		-	-
- Nguyên giá	234		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	235		-	-
2. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần dài hạn	236		-	-
3. Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần dài hạn	237		-	-
4. Dự phòng tổn thất tài sản sinh học dài hạn	238		-	-
IV. Bất động sản đầu tư	240		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
V. Tài sản dở dang dài hạn	250		135.027.068.138	152.520.158.582
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	251		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252	V.11	135.027.068.138	152.520.158.582
VI. Đầu tư tài chính dài hạn	260		146.567.728.501	147.395.577.111
1. Đầu tư vào công ty con	261	V.2b	103.728.819.600	103.728.819.600
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	262	V.2b	7.800.368.003	7.800.368.003
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263	V.2b	56.709.842.490	56.709.842.490
4. Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn (*)	264	V.2b	(21.671.301.592)	(20.843.452.982)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	265		-	-
6. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn (*)	266		-	-
VII. Tài sản dài hạn khác	270		27.559.012.837	27.167.083.562
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	V.8b	27.559.012.837	27.167.083.562
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	273		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	274		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		3.302.849.842.855	3.238.846.726.837

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Trần Biên, TP. Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

06 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bảng cân đối kế toán riêng (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		841.521.343.086	911.765.229.709
I. Nợ ngắn hạn	310		359.915.215.925	377.002.770.682
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	51.416.559.451	38.677.094.096
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13a	7.360.445.620	6.256.533.287
3. Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313		456.277.400	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	V.14	15.564.265.288	11.162.628.461
5. Phải trả người lao động	315	V.15	53.572.669.732	77.296.561.096
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	V.16	12.391.537.973	8.238.809.555
7. Phải trả nội bộ ngắn hạn	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng ngắn hạn	318		-	-
9. Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn	319		-	-
10. Phải trả ngắn hạn khác	320	V.17a	10.843.140.679	12.075.279.855
11. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	V.18a	166.169.771.618	169.197.401.509
12. Dự phòng phải trả ngắn hạn	322	V.19	-	-
13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.20	42.140.548.164	54.098.462.823
14. Quỹ bình ổn giá	324		-	-
15. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	325		-	-
II. Nợ dài hạn	330		481.606.127.161	534.762.459.027
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	V.13b	5.652.986.732	6.086.138.296
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước dài hạn	333		-	-
4. Chi phí phải trả dài hạn	334		-	-
5. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	335		-	-
6. Phải trả nội bộ dài hạn	336		-	-
7. Doanh thu chờ phân bổ dài hạn	337		-	-
8. Phải trả dài hạn khác	338	V.17b	-	-
9. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339	V.18b	475.953.140.429	528.676.320.731
10. Trái phiếu chuyển đổi	340		-	-
11. Cổ phiếu ưu đãi	341		-	-
12. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	342		-	-
13. Dự phòng phải trả dài hạn	343		-	-
14. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	344		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

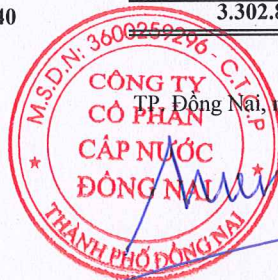
Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Trần Biên, TP. Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

06 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bảng cân đối kế toán riêng (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.461.328.499.769	2.327.081.497.128
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.21	1.200.000.000.000	1.200.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.200.000.000.000	1.200.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn	412	V.21	115.307.706.961	115.307.706.961
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu mua lại của chính mình	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.21	434.093.387.958	350.292.198.958
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.21	711.927.404.850	661.481.591.209
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420a		546.890.547.209	661.481.591.209
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	420b		165.036.857.641	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		3.302.849.842.855	3.238.846.726.837



Trần Hoàng Anh Phương
Người lập

Ngô Thị Thu Hiền
Kế toán trưởng

Trần Văn Nguyên
Người đại diện theo pháp luật

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Trần Biên, TP. Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

06 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

(Dạng đầy đủ)

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	313.140.183.788	295.381.829.660	599.671.775.342	565.695.872.389
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		313.140.183.788	295.381.829.660	599.671.775.342	565.695.872.389
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	191.111.636.323	181.099.028.230	361.381.957.016	338.973.438.626
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		122.028.547.465	114.282.801.430	238.289.818.326	226.722.433.763
6. Lãi/(Lỗ) của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21		-	-	-	-
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22	VI.3	21.954.132.166	9.136.084.734	28.790.821.670	14.750.425.078
8. Chi phí tài chính	23	VI.4	7.329.876.490	54.833.280.476	14.399.462.721	62.671.635.948
Trong đó: chi phí lãi vay	24		6.502.027.880	6.646.585.451	12.861.322.206	13.111.254.031
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	18.505.561.361	19.569.247.937	34.074.293.672	32.189.131.435
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	19.699.931.694	16.598.549.312	35.887.143.891	29.171.829.390
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		98.447.310.086	32.417.808.439	182.719.739.712	117.440.262.068
12. Thu nhập khác	31	VI.7	1.801.890.777	1.343.706.391	3.468.337.445	2.800.608.057
13. Chi phí khác	32	VI.8	548.166.740	539.715.333	1.645.962.745	1.464.115.333
14. Lợi nhuận khác	40		1.253.724.037	803.991.058	1.822.374.700	1.336.492.724
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		99.701.034.123	33.221.799.497	184.542.114.412	118.776.754.792
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.14	10.590.045.729	3.361.908.542	19.505.256.771	12.103.640.191
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		89.110.988.394	29.859.890.955	165.036.857.641	106.673.114.601
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9				
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9				

Trần Hoàng Anh Phương
Người lậpNgô Thị Thu Hiền
Kế toán trưởng

TP. Đồng Nai, ngày 20 tháng 07 năm 2026

Trần Văn Nguyên
Người đại diện theo pháp luật

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Trần Biên, TP. Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

06 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		184.542.114.412	85.554.955.295
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9; V.10	147.299.535.658	70.762.343.855
- Các khoản dự phòng	03	VI.4	827.848.610	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.3	(12.462.309.589)	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05	VI.3	(16.255.232.995)	(5.548.721.081)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	12.861.322.206	6.464.668.580
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		316.813.278.302	157.233.246.649
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(3.853.211.021)	(8.840.246.793)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(5.236.037.269)	(1.235.292.013)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		407.189.766	(59.633.525.260)
- Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12		(449.405.387)	724.779.487
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.16; VI.4	(13.206.952.495)	(9.184.533.770)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.14	(13.424.150.058)	(7.944.371.850)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	V.20	41.744.700	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.20; V.21	(42.789.514.359)	(29.814.691.936)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		238.302.942.179	41.305.364.514
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.4; V.9 V.11; V.12	(119.519.062.972)	(16.695.990.748)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2a	(409.741.780.822)	(20.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	V.2a	340.000.000.000	70.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5; VI.3	22.704.068.611	23.015.536
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(166.556.775.183)	33.327.024.788

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Trần Biên, TP. Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

06 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.18	43.262.208.000	16.332.633.000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.18	(86.550.708.604)	(92.454.346.951)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.17a	-	(55.100.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(43.288.500.604)	(76.176.813.951)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		28.457.666.392	(1.544.424.649)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	74.758.504.826	25.667.043.439
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	103.216.171.218	24.122.618.790

TP. Đồng Nai, ngày 20 tháng 07 năm 2026

**Trần Hoàng Anh Phương**
Người lập**Ngô Thị Thu Hiền**
Kế toán trưởng
Trần Văn Nguyên
Người đại diện theo pháp luật

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
06 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. **Hình thức sở hữu vốn**
Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh**
Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại.
3. **Ngành nghề kinh doanh**
Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là khai thác, xử lý nước phục vụ sinh hoạt đô thị và công nghiệp, phân phối nước sạch.
4. **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**
Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.
5. **Cấu trúc Công ty**
Các công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch	KCN Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, xã Nhơn Trạch, TP. Đồng Nai	Khai thác, lọc nước phục vụ sinh hoạt, công nghiệp; Phân phối nước sạch	52,44%	52,44%	52,44%
Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh	02 bis Cách Mạng Tháng Tám, phường Long Khánh, TP. Đồng Nai	Khai thác, lọc nước phục vụ sinh hoạt, công nghiệp; Phân phối nước sạch	51,00%	51,00%	51,00%

Công ty liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai	52 Cách Mạng Tháng Tám, phường Trần Biên, TP. Đồng Nai	Khai thác nước phục vụ công nghiệp; Khai thác, lọc nước phục vụ sinh hoạt đô thị và công nghiệp, phân phối nước sạch	36,00%	36,00%	36,00%

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Quản lý ghi thu	48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Trần Biên, TP. Đồng Nai
Chi nhánh Cấp nước Biên Hòa	48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Trần Biên, TP. Đồng Nai

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Trần Biên, TP. Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

06 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Cấp nước Long Bình	Tổ 8, Khu phố 9, Phường Long Bình, TP. Đồng Nai
Chi nhánh Cấp nước Thiện Tân	329 đường Nhà máy nước Thiện Tân, Tổ 2, Khu phố 10, phường Long Bình, TP. Đồng Nai
Chi nhánh Cấp nước Xuân Lộc	Tổ 1, đường Huỳnh Văn Nghệ, Khu phố 7, xã Xuân Lộc, TP. Đồng Nai
Chi nhánh Cấp nước Thạnh Phú	119 ấp Vàm, Phường Trảng Dài, TP. Đồng Nai
Chi nhánh Cấp nước Long Thành	113 Lê Duẩn, khu Phước Hải, xã Long Thành, TP. Đồng Nai

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc tại 30/06/2026 Công ty có 878 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 878 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Trần Biên, TP. Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

06 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính riêng của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính riêng.

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá chéo của Đồng Việt Nam so với một số ngoại tệ áp dụng tính thuế xuất khẩu và thuế nhập khẩu do Ngân hàng Nhà nước công bố.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá chéo của Đồng Việt Nam so với một số ngoại tệ áp dụng tính thuế xuất khẩu và thuế nhập khẩu do Ngân hàng Nhà nước công bố.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Trần Biên, TP. Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

06 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty chỉ có các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty con, công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Trần Biên, TP. Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

06 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc kỳ kế toán nhân với tỷ lệ vốn điều lệ của Công ty so với tổng vốn điều lệ thực góp tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Trần Biên, TP. Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

06 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí chờ phân bổ của Công ty chủ yếu là chi phí sửa chữa tài sản cố định và chi phí thay thế, lắp đặt đồng hồ cho khách hàng. Các chi phí chờ phân bổ này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí thay thế, lắp đặt đồng hồ cho khách hàng

Chi phí thay thế, lắp đặt đồng hồ cho khách hàng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 03 năm.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50
Máy móc và thiết bị	03 – 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 10
Tài sản cố định hữu hình khác	05 – 40

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Trần Biên, TP. Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

06 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 20 – 48 năm.

Chi phí quy hoạch bản đồ

Chi phí quy hoạch bản đồ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 25 năm.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của chương trình phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Chương trình phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 02 – 08 năm.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

12. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Trần Biên, TP. Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

06 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Khoản dự phòng phải trả của Công ty chỉ có chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định định kỳ. Việc trích trước chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định theo định kỳ được căn cứ vào kế hoạch sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định. Nếu chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định thực tế cao hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán toàn bộ vào chi phí. Nếu chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định thực tế nhỏ hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán giảm chi phí

13. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần

14. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và khi có thông báo chi trả cổ tức của Hội đồng quản trị.

15. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Trần Biên, TP. Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

06 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Cổ tức được chia

Cổ tức được chia được ghi nhận khi Công ty đã được quyền nhận cổ tức từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

17. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Trần Biên, TP. Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

06 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Trần Biên, TP. Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

06 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	107.757.835	226.439.067
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	42.970.673.657	44.532.065.759
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng)	60.137.739.726	30.000.000.000
Cộng	103.216.171.218	74.758.504.826

Trong đó, khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai là 124.890.000 VND được dùng để ký quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng dự án: Nhà điều hành và trạm bơm tăng áp Long Thành theo QĐ 3683/QĐ-UBND ngày 04/12/2024 của UBND TP. Đồng Nai.

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản tiền gửi có kỳ hạn.

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Giá gốc	Số cuối kỳ Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Số đầu năm Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty con	103.728.819.600		- 159.882.974.832	103.728.819.600		- 156.706.441.728
Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch ⁽ⁱ⁾	90.978.819.600		- 114.769.649.832	90.978.819.600		- 113.123.116.728
Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh ⁽ⁱⁱ⁾	12.750.000.000		- 45.113.325.000	12.750.000.000		- 43.583.325.000
Đầu tư vào công ty liên kết	7.800.368.003		- 37.989.000.000	7.800.368.003		- 27.183.240.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai ⁽ⁱⁱⁱ⁾	7.800.368.003		- 37.989.000.000	7.800.368.003		- 27.183.240.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	56.709.842.490	(21.671.301.592)	38.686.052.508	56.709.842.490	(20.843.452.982)	40.203.121.718
Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức ^(iv)	2.179.842.490		- 3.839.354.100	2.179.842.490		- 4.985.174.700
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi ^(v)	4.530.000.000		- 6.518.000.000	4.530.000.000		- 6.061.400.000
Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Tân ^(vi)	50.000.000.000	(21.671.301.592)	28.328.698.408	50.000.000.000	(20.843.452.982)	29.156.547.018
Cộng	168.239.030.093	(21.671.301.592)		168.239.030.093	(20.843.452.982)	

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600977120 đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 11 tháng 4 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Đồng Nai cấp, Công ty nắm giữ 52,44% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600979223 đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 09 tháng 11 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Đồng Nai cấp, Công ty nắm giữ 51% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Trần Biên, TP. Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

06 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

- (iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600978879 đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 11 tháng 7 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Đồng Nai cấp, Công ty nắm giữ 36% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai.
- (iv) Công ty đã đầu tư 171.018 cổ phiếu, tương đương 0,10% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức.
- (v) Công ty đã đầu tư 200.000 cổ phiếu, tương đương 2% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi.
- (vi) Công ty nắm giữ 5.000.000 cổ phiếu, tương đương 7,62% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Tân.

Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của các công ty con và công ty liên kết

Các công ty con và công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với cùng kỳ năm trước.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	(20.843.452.982)	(19.036.243.451)
Trích lập dự phòng bổ sung	(827.848.610)	(1.807.209.531)
Số cuối kỳ	(21.671.301.592)	(20.843.452.982)

Giao dịch với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con và công ty liên kết như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch		
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	29.237.217.500	57.017.194.277
Chi phí dịch vụ	-	-
Cổ tức được chia	-	7.865.604.000
Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh		
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	-
Chi phí dịch vụ	-	-
Cổ tức được chia	-	7.650.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai		
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	162.202.191	252.145.519
Chi phí dịch vụ	-	-
Cổ tức được chia	-	2.532.600.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Trần Biên, TP. Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

06 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>4.978.565.225</i>	<i>8.222.342.335</i>
Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch	4.701.966.675	4.578.034.125
Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh	-	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai	104.461.980	104.461.980
Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Tân	-	-
Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp	20.177.325	-
Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi	5.108.400	-
Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai	5.009.070	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Vật liệu Đồng Nai	5.789.100	893.550
Công ty Cổ phần Kinh doanh Nhà Đồng Nai	29.317.835	8.821.075
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp Số 2	-	-
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành	4.255.200	3.478.341.930
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình	-	-
Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	-	-
Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	-	993.600
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi	20.499.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Đồng Nai	-	-
Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai	1.131.840	-
Trường Cao đẳng Công nghệ và Quản trị Sonadezi	78.602.400	1.425.600
Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư quốc lộ 91 Cần Thơ - An Giang	-	-
Công ty Cổ phần Sonadezi Bình Thuận	2.246.400	49.370.475
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>35.860.854.362</i>	<i>31.605.836.605</i>
Cộng	<u>40.839.419.587</u>	<u>39.828.178.940</u>

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG AN PHƯỚC	4.288.593.184	-
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG		
THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ ĐỨC ANH	3.638.673.594	-
CÔNG TY TNHH HOÀNG PHÚC	3.510.000.000	3.510.000.000
Các nhà cung cấp khác	16.002.609.048	6.950.926.151
Cộng	<u>27.439.875.826</u>	<u>10.460.926.151</u>

Số dư cuối năm của khoản trả trước cho người bán liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản là 16.291.561.594 VND (số đầu năm là 10.255.541.583 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Trần Biên, TP. Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

06 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**5. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu liên quan đến Dự án cấp nước Nhơn Trạch giai đoạn 1	4.016.570.551	(3.770.820.351)	4.016.570.551	(3.770.820.351)
Tạm ứng vật tư lắp đặt tuyến cấp nước D300 dọc đường ven sông Đồng Nai	-	-	6.403.648.990	-
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	-	-	8.164.178.082	-
Tạm ứng	520.177.006	-	656.000.000	-
Các khoản bảo hiểm bắt buộc trích theo lương	236.816.886	-	235.956.396	-
Khoản đặt cọc ngắn hạn	124.867.328	-	124.867.328	-
Học phí khóa đào tạo ngành Cấp thoát nước	16.033.000	-	18.878.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1.548.478.794	-	1.392.639.124	-
Cộng	6.462.943.565	(3.770.820.351)	21.012.738.471	(3.770.820.351)

6. Nợ xấu

Công ty có các khoản nợ xấu của các khách hàng nợ tiền nước và nợ khác với thời gian quá hạn từ 06 tháng trở lên với tổng giá trị các khoản nợ xấu là 8.776.359.595 VND (số đầu năm là 8.984.204.836 VND).

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(5.290.294.125)	(5.290.294.125)
Trích lập dự phòng bổ sung	-	-
Số cuối năm	(5.290.294.125)	(5.290.294.125)

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	46.781.774.049	-	41.647.956.998	-
Công cụ, dụng cụ	368.913.297	-	223.967.984	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	-	-	-
Thành phẩm	74.824.026	-	117.549.121	-
Hàng hóa	-	-	-	-
Cộng	47.225.511.372	-	41.989.474.103	-

8. Chi phí chờ phân bổ**8a. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	310.716.694	85.337.464
Chi phí bảo hiểm	55.967.702	223.870.820
Cộng	366.684.396	309.208.284

8b. Chi phí chờ phân bổ dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	4.527.628.642	2.894.679.985
Chi phí bảo hiểm	-	-
Chi phí cải tạo, sửa chữa tài sản cố định	2.642.569.951	3.081.588.377
Chi phí thay thế, lắp đặt đồng hồ cho khách hàng	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Trần Biên, TP. Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

06 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí bồi thường	19.171.124.562	19.423.337.484
Các chi phí chờ phân bổ dài hạn khác	1.217.689.682	1.767.477.716
Cộng	27.559.012.837	27.167.083.562

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	952.044.440.571	1.191.370.060.917	3.147.686.044.512	39.087.584.279	8.165.252.484	5.338.353.382.763
Mua trong năm/kỳ		5.467.449.600	-			5.467.449.600
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành		9.438.671.991	107.392.183.853			116.830.855.844
Tăng khác						-
Thanh lý, nhượng bán						-
Giảm khác						-
Số cuối kỳ	952.044.440.571	1.206.276.182.508	3.255.078.228.365	39.087.584.279	8.165.252.484	5.460.651.688.207
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	281.758.491.643	422.078.827.165	330.783.439.093	37.674.229.822	6.550.746.070	1.078.845.733.793
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	621.870.941.009	1.009.077.782.921	1.720.224.893.578	37.954.565.231	7.474.846.153	3.396.603.028.892
Khấu hao trong năm/kỳ	18.126.481.774	31.613.953.469	93.393.527.715	202.540.888	91.026.672	143.427.530.518
Tăng khác						-
Thanh lý, nhượng bán						-
Giảm khác						-
Số cuối kỳ	639.997.422.783	1.040.691.736.390	1.813.618.421.293	38.157.106.119	7.565.872.825	3.540.030.559.410
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	330.173.499.562	182.292.277.996	1.427.461.150.934	1.133.019.048	690.406.331	1.941.750.353.871
Số cuối kỳ	312.047.017.788	165.584.446.118	1.441.459.807.072	930.478.160	599.379.659	1.920.621.128.797
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời không sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 838.648.484.879 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai, Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai, Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai, Quỹ Đầu tư Phát triển TP. Đồng Nai (xem thuyết minh số V.18b).

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chi phí quy hoạch bản đồ	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	369.091.830.176	2.814.843.027	2.062.955.088	373.969.628.291
Mua trong năm/kỳ				-
Số cuối kỳ	369.091.830.176	2.814.843.027	2.062.955.088	373.969.628.291
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	150.000.000	1.274.564.000	2.024.705.088	3.449.269.088

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Trần Biên, TP. Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

06 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

	Quyền sử dụng đất	Chi phí quy hoạch bản đồ	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	82.985.602.232	2.014.154.313	2.025.054.685	87.024.811.230
Khấu hao trong kỳ	3.839.563.680	28.616.460	3.825.000	3.872.005.140
Số cuối kỳ	86.825.165.912	2.042.770.773	2.028.879.685	90.896.816.370
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	286.106.227.944	800.688.714	37.900.403	286.944.817.061
Số cuối kỳ	282.266.664.264	772.072.254	34.075.403	283.072.811.921
<i>Trong đó:</i>				
Tạm thời không sử dụng	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-

Một số tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 276.438.474.672 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai (xem thuyết minh số V.18b).

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
Mua sắm tài sản cố định	323.644.407	9.076.682.902	(9.266.682.902)	(6.237.000)	127.407.407
Xây dựng cơ bản dở dang	148.784.311.517	83.093.287.487	(100.857.255.253)	(246.339.959)	130.774.003.792
• Dự án Nhơn Trạch giai đoạn 1	2.238.320.772				2.238.320.772
• Dự án Nhơn Trạch giai đoạn 2	88.706.392.139				88.706.392.139
• Dự án Thiện Tâm giai đoạn 2	-				-
• Các dự án khác	57.839.598.606	83.093.287.487	(100.857.255.253)	(246.339.959)	39.829.290.881
Sửa chữa lớn tài sản cố định	3.412.202.658	7.243.063.571	(6.507.560.224)	(22.049.066)	4.125.656.939
Cộng	152.520.158.582	99.413.033.960	(116.631.498.379)	(274.626.025)	135.027.068.138

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	156.644.177	1.191.530.414
Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch	-	-
Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh	-	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai	-	-
Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Tân	-	-
Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp	-	-
Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi	-	16.240.985
Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Vật liệu Đồng Nai	-	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh Nhà Đồng Nai	-	-
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp Số 2	-	-
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành	-	-
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình	-	-
Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	156.644.177	1.175.289.429

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Trần Biên, TP. Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

06 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	-	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi	-	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Đồng Nai	-	-
Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai	-	-
Trường Cao đẳng Công nghệ và Quản trị Sonadezi	-	-
Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư quốc lộ 91 Cần Thơ - An Giang	-	-
Công ty Cổ phần Sonadezi Bình Thuận	-	-
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	51.259.915.274	37.485.563.682
CÔNG TY CỔ PHẦN DNP HOLDING	10.277.016.953	5.129.654.495
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI N.T.P	8.258.172.716	4.414.140.456
CÔNG TY CỔ PHẦN HAWACO MIỀN NAM	5.252.194.856	2.411.045.456
CÔNG TY CỔ PHẦN VAN SHIN YI	4.105.529.560	2.443.242.200
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ MINH HÒA	3.927.374.000	751.476.000
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT TÂN HOA	2.115.378.333	-
CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT U.S	1.232.274.632	-
Các nhà cung cấp khác	16.091.974.224	22.336.005.075
Cộng	51.416.559.451	38.677.094.096

Số dư khoản phải trả người bán liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản là 5.750.604.939 VND (số đầu năm là 14.428.432.900 VND).

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

13. Người mua trả tiền trước**13a. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

Khoản khách hàng trả trước tiền thi công hệ thống cấp nước.

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của bên liên quan</i>	-	-
Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch	-	-
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	7.360.445.620	6.256.533.287
Cộng	7.360.445.620	6.256.533.287

13b. Người mua trả tiền trước dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của bên liên quan</i>	2.000.000.000	2.000.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp Số 2	2.000.000.000	2.000.000.000
<i>Trả trước của khách hàng khác</i>	3.652.986.732	4.086.138.296
Công ty Cổ phần Đô thị Amata Long Thành	3.652.986.732	4.086.138.296
Cộng	5.652.986.732	6.086.138.296

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Trần Biên, TP. Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

06 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	834.493.212	-	11.782.810.088	(11.220.475.931)	1.396.827.369	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.508.939.016	-	19.505.256.771	(13.424.150.058)	7.590.045.729	-
Thuế thu nhập cá nhân	610.620.816	-	4.012.715.063	(4.129.586.373)	493.749.506	-
Thuế tài nguyên	499.538.220	-	3.055.763.630	(3.034.755.840)	520.546.010	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	793.887.672	(170.779.138)	623.108.534	-
Các loại thuế khác	-	-	-	-	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	7.709.037.197	-	35.950.409.329	(38.719.458.386)	4.939.988.140	-
Cộng	11.162.628.461	-	75.100.842.553	(70.699.205.726)	15.564.265.288	-

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Dịch vụ lắp đặt công trình từ nguồn kinh phí cộng đồng Không chịu thuế
- Dịch vụ cấp nước 5%
- Các dịch vụ khác Theo quy định hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	184.542.114.412	118.776.754.792
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.013.047.869	852.000.320
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	185.555.162.281	119.628.755.112
Thu nhập được miễn thuế	-	(2.532.600.000)
Thu nhập tính thuế	185.555.162.281	117.096.155.112
- Thu nhập được hưởng ưu đãi (thuế suất 10%)	176.057.756.844	113.155.908.315
- Thu nhập không được hưởng ưu đãi	9.497.405.437	3.940.246.797
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	37.111.032.456	23.419.231.022
Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông	(17.605.775.685)	(11.315.590.831)
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	-	-
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	19.505.256.771	12.103.640.191

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Trần Biên, TP. Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

06 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác tài nguyên nước với mức thuế suất 1% trên sản lượng khai thác nước mặt và thuế suất 5% trên sản lượng khai thác nước ngầm. Giá tính thuế theo Quyết định số 07/2022/QĐ-UBND ngày 25/01/2022 của UBND TP. Đồng Nai.

Phí bảo vệ môi trường

Mức phí bảo vệ môi trường nước thải sinh hoạt là 10% trên giá nước hiện hành của Công ty cung cấp nước cho các đối tượng dùng nước máy. Toàn bộ phí nước thải phải nộp vào ngân sách Nhà nước sau khi trừ chi phí cho công tác thu phí là 10% trên tổng số phí nước thải theo Quyết định số 4887/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2020 của UBND TP. Đồng Nai.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

15. Phải trả người lao động

Tiền lương, thưởng phải trả người lao động.

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả	1.966.361.613	2.311.991.902
Chi phí sửa chữa, lắp đặt KH đóng tiền	-	147.952.205
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	10.425.176.360	5.778.865.448
Cộng	<u>12.391.537.973</u>	<u>8.238.809.555</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Trần Biên, TP. Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

06 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**17. Phải trả khác****17a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan - Nhận cọc vỡ bình nước Doriv</i>	4.000.000	4.000.000
Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch	900.000	900.000
Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh	-	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai	2.400.000	2.400.000
Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Tân	-	-
Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp	-	-
Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi	-	-
Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Vật liệu Đồng Nai	-	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh Nhà Đồng Nai	300.000	300.000
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp Số 2	-	-
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành	-	-
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình	-	-
Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	-	-
Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	-	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi	-	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Đồng Nai	-	-
Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai	400.000	400.000
Trường Cao đẳng Công nghệ và Quản trị Sonadezi	-	-
Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư quốc lộ 91 Cần Thơ - An Giang	-	-
Công ty Cổ phần Sonadezi Bình Thuận	-	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	10.839.140.679	12.071.279.855
Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt	-	-
Tiền nước khách hàng ứng trước	2.113.216.326	2.391.468.819
Bồi thường hỗ trợ giải phóng mặt bằng CN Long Thành	1.224.443.485	1.350.443.485
Kinh phí công đoàn	1.488.670.812	1.488.670.812
Phí dịch vụ môi trường rừng	1.714.699.844	1.564.036.396
Cổ tức phải trả	-	456.277.400
Tiền nộp thế chân của KH lắp đặt HTN	1.376.000.000	1.241.000.000
Bồi thường di dời trạm bơm nước thô Biên Hòa	1.308.800.500	1.308.800.500
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1.613.309.712	2.270.582.443
Cộng	10.843.140.679	12.075.279.855

17b. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bồi thường dự án di dời trạm bơm nước thô Biên Hòa	-	-
Các khoản phải trả dài hạn khác	-	-
Cộng	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Trần Biên, TP. Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

06 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

17c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

18. Vay**18a. Vay ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i>	-	-
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai	-	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai	-	-
<i>Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.18b)</i>	<u>166.169.771.618</u>	<u>169.197.401.509</u>
Cộng	<u>166.169.771.618</u>	<u>169.197.401.509</u>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Trần Biên, TP. Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

06 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

18b. Vay dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai ⁽ⁱ⁾	184.619.269.303	237.193.340.914
Quỹ Đầu tư Phát triển TP. Đồng Nai ⁽ⁱⁱ⁾	229.624.724.000	224.589.824.000
Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱⁱ⁾	41.571.332.442	44.472.756.511
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai ^(iv)	17.336.468.505	18.818.668.505
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Biên Hòa ^(v)	2.801.346.179	3.601.730.801
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai ^(vi)		
Cộng	475.953.140.429	528.676.320.731

(i) Khoản vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai để đầu tư xây dựng các dự án với lãi suất được quy định cụ thể theo từng khế ước nhận nợ, thời hạn vay từ 18 – 25 năm, thời gian ân hạn từ 05 – 08 năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành trong tương lai.

(ii) Khoản vay Quỹ Đầu tư Phát triển TP. Đồng Nai để đầu tư xây dựng các dự án với lãi suất được quy định cụ thể theo từng khế ước nhận nợ, thời hạn vay từ 06 – 10 năm, thời gian ân hạn từ 03 – 24 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành trong tương lai.

(iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh để đầu tư dự án xây dựng hệ thống cấp nước Nhơn Trạch giai đoạn 2 với lãi suất được quy định cụ thể theo từng khế ước nhận nợ, thời hạn vay tối đa 25 năm, thời gian ân hạn 07 năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành trong tương lai.

(iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai để thanh toán các chi phí và giải ngân hoàn vốn để đầu tư xây dựng các dự án với lãi suất được quy định cụ thể theo từng khế ước nhận nợ, thời hạn vay tối đa 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này được đảm bảo bằng một số máy móc thiết bị (xem thuyết minh số V.9).

(v) Khoản vay không có tài sản đảm bảo Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam – Chi nhánh Biên Hòa để thanh toán các chi phí và giải ngân hoàn vốn để đầu tư xây dựng các dự án với lãi suất được quy định cụ thể theo từng khế ước nhận nợ, thời hạn vay tối đa 06 năm kể từ ngày ký hợp đồng.

(vi) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai để thanh toán các chi phí và giải ngân hoàn vốn để cải tạo nâng công suất nhà máy nước Biên Hòa với lãi suất được quy định cụ thể theo từng khế ước nhận nợ, thời hạn vay tối đa 84 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân khoản nợ đầu tiên. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành trong tương lai.

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

18c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

19. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng nợ phải trả ngắn hạn liên quan đến chi phí sửa chữa tài sản cố định. Trong năm Công ty không trích lập dự phòng phải trả ngắn hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Trần Biên, TP. Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

06 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Tăng khác	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	36.825.885.693	14.667.448.274	-	(30.025.034.921)	21.468.299.046
Quỹ phúc lợi	17.272.577.130	14.735.331.726	-	(11.335.659.738)	20.672.249.118
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	-	1.387.075.000	-	(1.387.075.000)	-
Cộng	54.098.462.823	30.789.855.000	-	(42.747.769.659)	42.140.548.164

21. Vốn chủ sở hữu**21a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước (01.01.2025)	1.200.000.000.000	115.307.706.961	264.768.092.419	704.938.057.629	2.285.013.857.009
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	-	106.673.114.601	106.673.114.601
Trích lập các quỹ trong kỳ trước	-	-	85.524.106.539	(115.017.642.052)	(29.493.535.513)
Chia cổ tức, lợi nhuận	-	-	-	(192.000.000.000)	(192.000.000.000)
Nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp của Tổng Công ty	-	-	-	(7.888.059.864)	(7.888.059.864)
Số dư cuối kỳ trước (30.06.2025)	1.200.000.000.000	115.307.706.961	350.292.198.958	496.705.470.314	2.162.305.376.233
Số dư đầu năm nay (01.01.2026)	1.200.000.000.000	115.307.706.961	350.292.198.958	661.481.591.209	2.327.081.497.128
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	165.036.857.641	165.036.857.641
Trích lập các quỹ trong kỳ này	-	-	83.801.189.000	(114.591.044.000)	(30.789.855.000)
Chia cổ tức, lợi nhuận	-	-	-	-	-
Nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp của Tổng Công ty	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ này (30.06.2026)	1.200.000.000.000	115.307.706.961	434.093.387.958	711.927.404.850	2.461.328.499.769

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Trần Biên, TP. Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

06 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

21b. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	120.000.000	120.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	120.000.000	120.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	120.000.000	120.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	120.000.000	120.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	120.000.000	120.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

21c. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ, Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2025 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 số 01/NQ-ĐHĐCĐ 2026 ngày 31 tháng 03 năm 2026 như sau:

	Số được phân phối	Số trích trong kỳ này
• Trích Quỹ đầu tư phát triển	83.801.189.000	83.801.189.000
• Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	27.996.482.000	27.996.482.000
• Trích Quỹ công tác xã hội cộng đồng	2.793.373.000	2.793.373.000
• Chia cổ tức cho các cổ đông	180.000.000.000	

22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán riêng

Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm 23.098,63 USD (số đầu năm là 23.098,63 USD).

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Trần Biên, TP. Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

06 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	Quý 2		Lũy kế	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Doanh thu cung cấp nước	301.704.281.090	287.115.475.080	578.421.692.390	552.551.417.710
Doanh thu cung cấp dịch vụ lắp đặt	10.104.407.698	7.308.822.580	18.634.254.952	11.399.950.679
Doanh thu bán nước tinh khiết	1.331.495.000	957.532.000	2.615.828.000	1.744.504.000
Cộng	313.140.183.788	295.381.829.660	599.671.775.342	565.695.872.389

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Trần Biên, TP. Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

06 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan**

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty con, công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Công ty còn phát sinh các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con, công ty liên kết như sau:

	Quý 2		Lũy kế	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp	74.810.000	3.630.000	134.147.500	8.610.000
Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi	72.956.500	548.773.300	144.343.500	1.718.875.900
Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai	207.412.101	166.858.200	347.636.701	306.978.400
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Vật liệu Đồng Nai	19.435.000	26.921.500	35.431.500	42.159.000
Công ty Cổ phần Kinh doanh Nhà Đồng Nai	94.097.500	115.230.500	149.936.000	169.919.000
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp Số 2	150.427.700	128.441.788	285.405.600	287.387.302
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành	21.080.010.500	19.535.526.100	38.980.289.300	37.446.505.300
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình	14.880.446.600	13.582.950.100	28.183.705.300	26.442.254.600
Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	8.157.000	45.504.000	13.934.500	100.495.500
Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	2.080.000	2.320.000	3.900.000	5.443.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi	53.248.500	9.119.500	76.736.000	21.367.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Đồng Nai	7.202.000	30.494.000	19.573.000	56.559.500
Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai	3.674.000	19.547.500	6.034.000	77.587.500
Trường Cao đẳng Công nghệ và Quản trị Sonadezi	76.130.000	53.500.000	78.280.000	54.550.000
Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền	7.335.216.700	5.385.165.100	14.447.746.700	11.180.746.800
Công ty Cổ phần Đầu tư quốc lộ 91 Cần Thơ - An Giang	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Sonadezi Bình Thuận	56.250.300	5.880.000	103.400.672	10.100.000

2. Giá vốn hàng bán

	Quý 2		Lũy kế	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Giá vốn cung cấp nước	184.760.776.943	174.906.341.462	350.095.362.825	329.512.455.382
Giá vốn cung cấp dịch vụ lắp đặt	5.343.902.027	5.332.939.356	9.259.008.503	7.886.172.458
Giá vốn nước tinh khiết	1.006.957.353	859.747.412	2.027.585.688	1.574.810.786
Cộng	191.111.636.323	181.099.028.230	361.381.957.016	338.973.438.626

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý 2		Lũy kế	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	9.491.822.577	6.603.484.734	16.255.232.995	12.152.205.815
Cổ tức được chia	-	2.532.600.000	-	2.532.600.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	-	73.279.086	65.619.263
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	12.462.309.589	-	12.462.309.589	-
Cộng	21.954.132.166	9.136.084.734	28.790.821.670	14.750.425.078

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Trần Biên, TP. Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

06 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**4. Chi phí tài chính**

	Quý 2		Lũy kế	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	6.502.027.880	6.646.585.451	12.861.322.206	13.111.254.031
Dự phòng tổn thất đầu tư	827.848.610	811.479.211	827.848.610	811.479.211
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	-	710.291.905	1.373.686.892
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	47.375.215.814	-	47.375.215.814
Chi phí khác	-	-	-	-
Cộng	7.329.876.490	54.833.280.476	14.399.462.721	62.671.635.948

5. Chi phí bán hàng

	Quý 2		Lũy kế	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	8.410.408.437	7.074.500.103	14.971.942.102	12.657.364.826
Chi phí vật liệu, bao bì	5.404.053.377	8.532.130.483	10.822.235.487	12.354.912.771
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	36.408.320	551.696.044	55.883.342	568.615.210
Chi phí khấu hao tài sản cố định	40.698.936	80.907.270	91.013.856	164.513.370
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.486.070.756	1.212.224.320	3.394.221.902	2.825.993.926
Các chi phí khác	3.127.921.535	2.117.789.717	4.738.996.983	3.617.731.332
Cộng	18.505.561.361	19.569.247.937	34.074.293.672	32.189.131.435

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Quý 2		Lũy kế	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	15.011.338.108	12.496.633.456	27.355.299.606	22.091.038.013
Chi phí vật liệu quản lý	150.265.650	95.854.536	283.665.414	157.154.536
Chi phí đồ dùng văn phòng	139.991.311	933.948.055	265.326.091	1.096.687.525
Chi phí khấu hao tài sản cố định	244.119.381	229.060.020	496.583.262	440.733.165
Thuế, phí và lệ phí	-	-	-	3.000.000
Dự phòng phải thu khó đòi	-	-	-	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	139.017.590	173.362.185	360.993.543	381.811.276
Các chi phí khác	4.015.199.654	2.669.691.060	7.125.275.975	5.001.404.875
Cộng	19.699.931.694	16.598.549.312	35.887.143.891	29.171.829.390

7. Thu nhập khác

	Quý 2		Lũy kế	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Phí bảo vệ môi trường được trích sử dụng	1.691.031.211	1.195.568.482	3.223.129.283	2.330.756.485
Thu từ kinh phí quản lý, duy tu, bảo dưỡng	-	-	-	-
Thu cho thuê mặt bằng	27.000.000	27.000.000	27.000.000	287.000.000
Các khoản thu nhập khác	83.859.566	121.137.909	218.208.162	182.851.572

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Trần Biên, TP. Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

06 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

	Quý 2		Lũy kế	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Cộng	<u>1.801.890.777</u>	<u>1.343.706.391</u>	<u>3.468.337.445</u>	<u>2.800.608.057</u>

8. Chi phí khác

	Quý 2		Lũy kế	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Phí bảo vệ môi trường	523.847.869	524.000.000	1.045.247.869	1.048.400.000
Các khoản chi phí khác	24.318.871	15.715.333	600.714.876	415.715.333
Cộng	<u>548.166.740</u>	<u>539.715.333</u>	<u>1.645.962.745</u>	<u>1.464.115.333</u>

9. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Quý 2		Lũy kế	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	20.622.807.470	20.115.523.991	36.991.869.503	31.828.396.859
Chi phí nhân công	66.885.411.331	61.487.443.181	123.622.340.971	111.584.710.510
Chi phí khấu hao tài sản cố định	73.852.938.433	72.740.447.738	146.942.355.598	143.324.201.563
Chi phí dịch vụ mua ngoài	38.984.501.991	34.334.000.789	76.591.042.501	67.606.177.269
Chi phí khác	28.971.470.153	28.589.409.780	47.195.786.006	45.990.913.250
Cộng	229.317.129.378	217.266.825.479	431.343.394.579	400.334.399.451

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc và Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Tiền lương và thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty trong kỳ như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Quý 2		Lũy kế	
		Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Bà Phạm Thị Hồng	Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm từ ngày 28/02/2025) Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 28/02/2025)	309.062.800	255.684.800	1.161.717.600	1.099.988.600
Ông Trần Văn Nguyên	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 01/03/2025) Phó Giám đốc	294.894.000	270.000.000	1.144.714.800	668.845.000
Ông Đặng Văn Chất	Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm từ ngày 28/02/2025)	204.905.000	209.600.000	855.757.000	935.010.000
Ông Nguyễn Cao Hà	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc	267.300.000	217.460.000	982.192.000	940.270.000
Ông Nguyễn Văn Thiện	Phó CT HĐQT	83.900.000	24.000.000	147.900.000	208.000.000
Ông Võ Văn Bình	Thành viên HĐQT	83.900.000	24.000.000	147.900.000	208.000.000
Ông Phạm Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	83.900.000	24.000.000	147.900.000	208.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI
 Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Trần Biên, TP. Đồng Nai
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
 06 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Họ và tên	Chức vụ	Quý 2		Lũy kế	
		Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Ông Nguyễn Công Hiếu	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm từ ngày 31/03/2026)	59.900.000	24.000.000	123.900.000	208.000.000
Ông Nguyễn Bá Chuyên	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm từ ngày 31/03/2026)	24.000.000			
Ông Lê Thành Trung	Phó Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 26/03/2025)	160.702.000	148.600.000	799.719.000	148.600.000
Ông Hồ Ngọc Long	Phó Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 01/04/2026)	145.580.000			
Ông Nguyễn Quang Minh	Phó Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 26/07/2024)			-	-
Bà Nguyễn Thu Oanh	Kế toán trưởng (Nghỉ chế độ hưu trí từ ngày 01/10/2025)		163.940.000	365.077.000	588.328.000
Bà Ngô Thị Thu Hiền	Kế toán trưởng (Bổ nhiệm từ ngày 01/04/2026)	124.800.000			
Bà Nguyễn Bách Thảo	Phụ trách Kế toán (Từ 01/10/2025 - 31/03/2026)			326.274.818	-
Cộng		1.842.843.800	1.361.284.800	6.203.052.218	5.213.041.600

Thu nhập của Ban Kiểm soát
 Thù lao của Ban Kiểm soát và tiền lương của Trưởng Ban Kiểm soát của Công ty trong kỳ như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Quý 2		Lũy kế	
		Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Bà Lê Thị Ngọc Sáu	Trưởng ban	163.860.000	163.900.000	781.160.000	606.409.800
Ông Nguyễn An Quốc	Thành viên	58.700.000	15.000.000	93.700.000	85.000.000
Ông Nguyễn Duy Khang	Thành viên	58.700.000	15.000.000	93.700.000	85.000.000
		281.260.000	193.900.000	968.560.000	776.409.800

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch	Công ty con
Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh	Công ty con
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Vật liệu Đồng Nai	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Kinh doanh Nhà Đồng Nai	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp Số 2	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Xây dựng Đồng Nai	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai	Công ty cùng Tập đoàn
Trường Cao đẳng Công nghệ và Quản trị Sonadezi	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Sonadezi Bình Thuận	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư quốc lộ 91 Cần Thơ – An Giang	Công ty cùng Tập đoàn

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Trần Biên, TP. Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

06 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty con và công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2b cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty con và công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Quý 2		Lũy kế	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi				
Chi phí dịch vụ	57.289.597	81.349.126	100.881.245	124.940.774
Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình				
Chi phí dịch vụ	4.638.315.110	-	4.638.315.110	-
Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức				
Cổ tức được chia	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi				
Chi phí dịch vụ	414.051.600	27.420.000	414.051.600	40.745.000
Cổ tức được chia	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai				
Cho thuê mặt bằng	-	-		40.000.000
Trường Cao đẳng Công nghệ và Quản trị Sonadezi				
Chi phí dịch vụ	-	-	-	-

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thị trường. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thị trường.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.12, V.13 và V.17a.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là cung cấp nước (chiếm đến 96,46% doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ). Toàn bộ doanh thu của Công ty được tạo ra trên địa bàn TP. Đồng Nai, Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Trần Biên, TP. Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

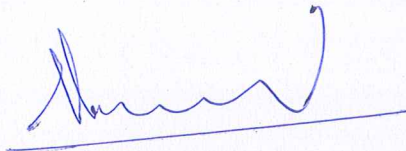
06 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính riêng.

Đồng Nai, ngày 20 tháng 07 năm 2026



Trần Hoàng Anh Phương
Người lập



Ngô Thị Thu Hiền
Kế toán trưởng



Trần Văn Nguyên
Người đại diện theo pháp luật